### Unit 7

# UNIT 7 - TEST 1

Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

-----

| Họ tên thí sinh:                   | •••••                      | •••••                          |                                 |  |
|------------------------------------|----------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--|
| Số báo danh:                       |                            | •••••                          |                                 |  |
| Mã Đề: 001.                        |                            |                                |                                 |  |
| I. <b>Pronunciation</b> (1         | 1-4)                       |                                |                                 |  |
| Câu 1. Which word has              | the underlined part pron   | ounced differently from that o | of the others?                  |  |
| A. skate                           | <b>B.</b> f <u>a</u> ct    | C. ancient                     | <b>D.</b> sp <u>a</u> ce        |  |
| Đáp án đúng: B                     |                            |                                | -                               |  |
| Câu 2. Which word has              | the underlined part pron   | ounced differently from that o | of the others?                  |  |
| A. f <u>i</u> ll                   | <b>B.</b> oas <u>i</u> s   | C. Span <u>i</u> sh            | <b>D.</b> v <u>i</u> brant      |  |
| Đáp án đúng: D                     |                            |                                |                                 |  |
| Câu 3. Which word has              | a different stress pattern | from that of the others?       |                                 |  |
| A. national                        |                            | <b>B.</b> distinctive          |                                 |  |
| C. attractive                      |                            | <b>D.</b> location             |                                 |  |
| Đáp án đúng: A                     |                            |                                |                                 |  |
| Câu 4. Which word has              | a different stress pattern | from that of the others?       |                                 |  |
| A. difference                      |                            | <b>B.</b> accommodation        |                                 |  |
| C. central                         |                            | <b>D.</b> history              |                                 |  |
| Đáp án đúng: B                     |                            |                                |                                 |  |
| II. Choose the answ                | ver (A, B, C or D) that    | best fits the space in each qu | estion. (5-14)                  |  |
| Câu 5. The wreck of the            | Titanic                    | on September 1, 1985.          |                                 |  |
| A. will be discovered B. has       |                            | <b>B.</b> has been discove     | . has been discovered           |  |
| C. was discovered D. is discovered |                            |                                |                                 |  |
| Đáp án đúng: C                     |                            |                                |                                 |  |
| Câu 6. The chef cooked             | the meal                   | that each dish was a masterpie | ce of flavour and presentation. |  |
| A. such perfectly                  |                            | <b>B.</b> so perfectly         |                                 |  |
| C. much perfectly                  |                            | <b>D.</b> so perfect           |                                 |  |
| Đáp án đúng: B                     |                            |                                |                                 |  |
| Câu 7. We visited the              | of Angko                   | or Wat and learned about the h | istory of Cambodia.             |  |
| A. ancient ruins                   |                            | <b>B.</b> cinema               |                                 |  |
| C. industrial sites                |                            | <b>D.</b> music festival       |                                 |  |
| Đáp án đúng: A                     |                            |                                |                                 |  |

# Tiếng Anh 9 Friends Plus

### Unit 7

| Câu 8. The archaeologis | sts will  | the site and look for ancient arti | facts.                 |
|-------------------------|---|------------------------------------|------------------------|
| A. excavate             | <b>B.</b> hide  | C. bury                            | <b>D.</b> write        |
| Đáp án đúng: A          |   |                                    |                        |
| Câu 9. When             | _ the first Wembley Sta                                 | adium? – In 1923.                  |                        |
| A. was/ open            |   | <b>B.</b> was/ opened              |                        |
| C. is/ open             |   | <b>D.</b> is/ opened               |                        |
| Đáp án đúng: B          |   |                                    |                        |
| Câu 10. The music at th | e concert was   | that I could feel the vibration    | ons through the floor. |
| A. much loud            | <b>B.</b> too loud                                      | C. so loud                         | <b>D.</b> such loud    |
| Đáp án đúng: C          |   |                                    |                        |
| Câu 11. How will I reco | gnize Mr. Sanchez?                                      |                                    |                        |
| A. Let's redo it after  | A. Let's redo it after we get back. B. He will b        |                                    | llest guy there.       |
| C. He is recognised b   | sed by the team. <b>D.</b> I recall seeing him earlier. |                                    | m earlier.             |
| Đáp án đúng: B          |   |                                    |                        |
| Câu 12. The doctor will | you   | r eyes and order you glasses if n  | eeded.                 |
| A. build                | <b>B.</b> examine                                       | C. display                         | <b>D.</b> hide         |
| Đáp án đúng: B          |   |                                    |                        |
| Câu 13. How many peo    | ple are going on the car                                | mping trip?                        |                        |
| A. Around five.         |   | B. This Saturday.                  |                        |
| C. Ten days.            |   | <b>D.</b> For a week.              |                        |
| Đáp án đúng: A          |   |                                    |                        |
| Câu 14. My kids love g  | oing to the   | and riding the roller coa          | sters and Ferris wheel |
| A. highway              |   | <b>B.</b> stadium                  |                        |
| C. heavy traffic        |   | <b>D.</b> amusement park           |                        |
| Đáp án đúng: D          |   |                                    |                        |
| <b>TTT T 1 ( /1 ·</b>   |   |                                    |                        |

# III. Look at the signs. Choose the best answer (A, B, C or D). (15-16)

# Câu 15.

What does this sign mean?



A. Don't touch. It's just been painted.

**B.** You can touch it.

Unit 7

**D.** Road ends here.

C. Don't paint here.

# Đáp án đúng: A

# Câu 16.

What does this sign mean?



A. Leaning against the wall is possible.

- **B.** Don't stand near the wall because it's leaning.
- C. Do not lean against the wall.

**D.** This is not a leaning wall.

# Đáp án đúng: C

# IV. Read the following passage and do as direct. (17-22)

Wembley Stadium is a sports stadium in London, England. It opened in 2007 and was built to replace the original Wembley Stadium, which was built in 1923. With a capacity of 90,000, it's the second largest stadium in Europe. The distinctive features of the stadium are its partially retractable roof and the arch, which is 133 metres high and 315 metres wide. Wembley Stadium hosts the matches of the English national football team as well as the finals of several important football competitions, such as the FA cup and the UEFA Champions League. This stadium is also a concert venue for many well-known musicians.

Câu 17. Wembley Stadium is located in London, England.

A. True B. False

# Đáp án đúng: A

Câu 18. The original Wembley Stadium was built in 1923 and is still in use today.

A. True B. False

Đáp án đúng: B

Câu 19. The capacity of Wembley Stadium is 75,000, making it the largest stadium in Europe.

A. True B. False

### Đáp án đúng: B

Câu 20. Wembley Stadium does not host any football matches and is solely used as a concert venue.

A. True B. False

### Đáp án đúng: B

Câu 21. What is one of the distinctive features of Wembley Stadium?

A. A 133-meter-high arch. B. A swimming pool.

Unit 7

C. An underground parking lot.

#### **D.** A retractable roof.

#### Đáp án đúng: A

Câu 22. Which of the following events does Wembley Stadium host?

A. Ice hockey games.

B. Formula 1 races.

C. Matches of the English national football team.

D. Tennis matches.

#### Đáp án đúng: C

V. Choose the word (A, B, C or D) that best fits the blank space in the following passage. (23-28) London and New York City, two global metropolises, captivate with their unique \_\_\_\_23\_\_\_\_ and vibrant cultures. London, steeped in history, boasts iconic \_\_\_\_24\_\_\_\_ like Buckingham Palace and the Tower of London, while New York impresses with the Statue of Liberty and Times Square. \_\_\_\_25\_\_\_\_\_ cities are melting pots of diverse communities, offering a rich tapestry \_\_\_\_26\_\_\_\_ cuisines, art, and entertainment. London's elegant charm contrasts with New York's fast-paced energy. While London's Underground system connects its sprawling neighbourhoods, New York's iconic yellow taxis cover \_\_\_\_27\_\_\_\_ busy streets. Whether it's London's royal traditions or New York's skyscrapers, these cities are magnetic in their own distinct ways, inviting exploration and leaving lasting \_\_\_\_28\_\_\_\_.

| A. charmed             | <b>B.</b> charming |              | C. charms               | <b>D.</b> to charm  |
|------------------------|--------------------|--------------|-------------------------|---------------------|
| Đáp án đúng: C         |                    |              |                         |                     |
| Câu 24.                |                    |              |                         |                     |
| A. view                | <b>B.</b> lands    |              | C. building             | <b>D.</b> landmarks |
| Đáp án đúng: D         |                    |              |                         |                     |
| Câu 25.                |                    |              |                         |                     |
| A. Either              | <b>B.</b> Both     |              | C. None                 | D. Each             |
| <b>Đáp án đúng</b> : B |                    |              |                         |                     |
| Câu 26.                | A. in              | <b>B.</b> to | C. for                  | <b>D.</b> of        |
| Đáp án đúng: D         |                    |              |                         |                     |
| Câu 27.                |                    |              |                         |                     |
| A. its                 | <b>B.</b> it       |              | C. theirs               | <b>D.</b> they      |
| Đáp án đúng: A         |                    |              |                         |                     |
| Câu 28.                |                    |              |                         |                     |
| A. disappointment      |                    |              | <b>B.</b> unwillingness |                     |
| C. displeasure         |                    |              | <b>D.</b> impressions   |                     |
| Đáp án đúng: D         |                    |              |                         |                     |
|                        |                    |              |                         |                     |

VI. Supply the correct form of the word given in each sentence. (29-34)

#### Tiếng Anh 9 Friends Plus

#### Unit 7

Câu 29. The meeting today is \_\_\_\_\_\_ for our project's future. [importance]

Đáp án đúng: important

Câu 30. The annual \_\_\_\_\_\_\_ attracted participants from all over the country. [compete]

Đáp án đúng: competition

Câu 31. A group of street \_\_\_\_\_\_ was playing jazz on the corner. [music]

Đáp án đúng: musicians

Câu 32. She is \_\_\_\_\_\_ an expert in her field of study. [consider]

Đáp án đúng: considered

Câu 33. The hurricane was one of the most \_\_\_\_\_\_ storms of the decade. [power]

Đáp án đúng: powerful

Câu 34. The window was \_\_\_\_\_\_ open, letting in a gentle breeze. [part]

Đáp án đúng: partially

VII. Rearrange the groups of words in a correct order to make complete sentences. (35-36)

Câu 35. The sun was so / the car. / bright that I had / to wear / sunglasses inside

•••

Đáp án đúng: The sun was so bright that I had to wear sunglasses inside the car.

Câu 36. it broke box office / such a hit that / The movie was / records on its / opening weekend.

. . .

**Đáp án đúng**: The movie was such a hit that it broke box office records on its opening weekend.

VIII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (37-40)

**Câu 37.** Researchers discovered the remains of the ship in 2016.

The remains ...

Đáp án đúng: The remains of the ship were discovered by researchers in 2016.

Câu 38. They haven't moved the truck yet.

The truck ...

Đáp án đúng: The truck hasn't been moved yet.

Câu 39. The movie was great. I watched it twice last week. (so ... that)

•••

Đáp án đúng: The movie was so great that I watched it twice last week.

Câu 40. He will not finish the report tomorrow.

The report ...

Đáp án đúng: The report will not be finished tomorrow.

# IX. Listening: listen and do as direct. (41-50)

Câu 41. VinWonders Phu Quoc is located on the coast of Phu Quoc Island.

A. True B. False

| Đáp án đúng: A  |                  |                                  |                                   |  |
|---|------------------|----------------------------------|-----------------------------------|--|
| Câu 42. The Sea Shell is the c  | only aquarium    | in VinWonde                      | ers Phu Quoc.                     |  |
| A. True   | <b>B.</b> False  |                                  |                                   |  |
| Đáp án đúng: B  |                  |                                  |                                   |  |
| Câu 43. The King Cobra is or  | e of the park's  | s most thrillin                  | g roller coasters.                |  |
| A. True   | A. True B. False |                                  |                                   |  |
| Đáp án đúng: A  |                  |                                  |                                   |  |
| Câu 44. All the activities in VinWonders Phu Quoc are high-intensity. |                  |                                  |                                   |  |
| A. False  | <b>B.</b> True   |                                  |                                   |  |
| Đáp án đúng: A  |                  |                                  |                                   |  |
| Câu 45. The park features bot   | h historical an  | d fantasy-the                    | med areas.                        |  |
| A. True   | B. False         |                                  |                                   |  |
| Đáp án đúng: A  |                  |                                  |                                   |  |
| Câu 46. What is VinWonders  | Phu Quoc?        |                                  |                                   |  |
| A. A famous beach resort  |                  |                                  | <b>B.</b> A theme park in Vietnam |  |
| C. A historical landmark  |                  |                                  | <b>D.</b> An art museum           |  |
| Đáp án đúng: B  |                  |                                  |                                   |  |
| Câu 47. Which of the following is Southeast Asia's largest aquarium?  |                  |                                  |                                   |  |
| A. Aqua Park B. Sea World   |                  | B. Sea World                     |                                   |  |
| C. Sea Shell  |                  | <b>D.</b> Marine Kingdom         |                                   |  |
| Đáp án đúng: C  |                  |                                  |                                   |  |
| Câu 48. What is the main attra  | action for thril | l-seekers at V                   | inWonders Phu Quoc?               |  |
| A. Live cultural shows  |                  | <b>B.</b> Underwater exploration |                                   |  |
| C. Boat rides   |                  |                                  | <b>D.</b> Roller coasters         |  |
| Đáp án đúng: D  |                  |                                  |                                   |  |
| Câu 49. Where is VinWonder  | s Phu Quoc lo    | ocated?                          |                                   |  |
| A. Phu Quoc Island  |                  | B. Ho Chi Minh City              |                                   |  |
| C. Da Nang  |                  | <b>D.</b> Hanoi                  |                                   |  |
| Đáp án đúng: A  |                  |                                  |                                   |  |
| Câu 50. What is the unique fe   | ature of VinW    | onders Phu Q                     | Juoc?                             |  |
| A. Sense of wonder  |                  |                                  | <b>B.</b> Magical creatures       |  |
| C. Silly fairy tales D. Historical artifacts                          |                  |                                  | <b>D.</b> Historical artifacts    |  |
| Đáp án đúng: A  |                  |                                  |                                   |  |

----HÉT----